|  |  |
| --- | --- |
|  | Tháng8/2025 |

**I/ Tình hình thị trường tháng 7/2025:**

1. *Tổng quan thị trường:*

Thị trường Pakistan trong tháng 7/2025 nổi bật với sản xuất công nghiệp tăng, sản xuất nông nghiệp tăng, xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng. Đồng Rupi tăng giá nhẹ.

Tháng 7/2025 sản xuất công nghiệp tăng 8,99 % so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,60 % so với tháng 6/2025.

Tháng 7/2025 đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 208,1 triệu USD, tăng 0,72 % so với tháng 6/2025. Dự trữ ngoại hối đạt 14,32 tỷ USD, tăng 1,31 %. Kiều hối đạt 3,21 tỷ USD, giảm 5,86 %. Lạm phát 4,1 %, tăng 28,12 %.

Đồng rupi tăng giá nhẹ 0,43 %. Tỷ giá USD/Rupi tháng 7/2025 là 1 USD = 284,21 ru-pi.

Xuất khẩu tháng 7/2025 đạt 2,7 tỷ USD, tăng 8,44 % so với tháng trước và tăng 0,43 % so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu tháng 7/2005 đạt 5,4 tỷ USD, tăng 9,58 % so với tháng trước và tăng 23,13 % so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 7/2025 xuất khẩu của Việt Nam sang Pakistan đạt 64.774.983 USD, tăng 38,3 % so với tháng trước. 7 tháng năm 2025 xuất khẩu đạt 328.330.122 USD, tăng 21,9 % so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 7/2025 nhập khẩu của Việt Nam từ Pakistan đạt 21.226.579 13.662.092 USD, tăng 55,4 % so với tháng trước. 7 tháng năm 2025 nhập khẩu đạt 108.785.847 87.554.892 USD, giảm 50,8 % so với cùng kỳ năm trước.

*2) Chi tiết thị trường:*

Tháng 7/2025 sản xuất dệt may tăng 0,04 %, than và xăng dầu tăng 13,18 %, dược phẩm tăng 1,09 %, điện tử tăng 4,39 %, khoáng sản phi kim loại tăng 16,52 %, sản phẩm sắt thép tăng 3,69 %, thực phẩm tăng 6,63 %, giấy tăng 15,1 %, ô tô tăng 57,80 %, hóa chất tăng 2,64 %, sản phẩm cao su tăng 17,29, sản phẩm gỗ tăng 2,24 %, thuốc lá tăng 0,07, thiết bị vận tải tăng 4,39 %. Máy móc và thiết bị tăng 45,80.

 Trong năm tài chính 2025, giải ngân tín dụng nông nghiệp đã tăng 16,3% lên 2.577,3 tỷ Rupee so với 2.215,7 tỷ Rupee trong năm tài chính 2024. Nhập khẩu máy móc và dụng cụ nông nghiệp cũng tăng đáng kể 123,9%, đạt 14,4 triệu đô la vào tháng 7 năm tài chính 2026. Trong vụ Kharif 2025 (tháng 4-tháng 7), sản lượng urê tiêu thụ tăng 2% lên 1.859 nghìn tấn, trong khi sản lượng DAP tiêu thụ giảm nhẹ 0,7% xuống còn 416 nghìn tấn. Chính phủ vẫn cam kết hỗ trợ nông dân thông qua việc tiếp cận kịp thời nguồn giống chất lượng, tín dụng, phân bón và máy móc hiện đại. Tuy nhiên, các hiện tượng thời tiết bất lợi (mưa lớn và lũ lụt) gây nguy cơ ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu tăng trưởng của ngành.

Tháng 7/2025 xuất khẩu nông sản đạt 427 triệu USD, giảm 10,25 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu gạo đạt 291 nghìn tấn trị giá 168 triệu USD giảm 18,29 % về lượng và giảm 24,42 % về trị giá; Xuất khẩu dệt may đạt 1,67 tỷ USD, tăng 32,13 %; Xuất khẩu dầu và than đạt 48,8 triệu USD, giảm 23,37 %; Xuất khẩu hàng công nghiệp đạt 346 triệu USD, tăng 8,71 %.

Tháng 7/2025 nhập khẩu lương thực thực phẩm đạt 744 triệu USD, tăng 44,90 %; Nhập khẩu máy móc đạt 927 triệu USD, tăng 29,37 %; Nhập khẩu phương tiện vận tải đạt 307 triệu USD, tăng 167,18 %; Nhập khẩu xăng dầu đạt 1,34 tỷ USD, tăng 6,42%; Nhập khẩu dệt may đạt 593 triệu USD, tăng 21,13 %; Nhập khẩu hóa chất đạt 893 triệu USD, tăng 9,13 %; Nhập khẩu sắt thép kim loại mầu đạt 547 triệu USD, tăng 19,77 %.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu Việt Nam-Pakistan 7 tháng 2025:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mặt hàng** | **VNXK****(USD)** | **STT** | **Mặt hàng** | **VNNK****(USD)** |
| 1 | Chè |  45.775.960 | 1 | Vải các loại | 25.982.813  |
| 2 | Xơ, sợi dệt các loại |  59.271.676 | 2 | Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày | 16.045.451  |
| 3 | Hạt tiêu | 22.287.464  | 3 | Xơ, sợi dệt các loại | 5.406.854 |
| 4 | Sắt thép các loại | 29.921  | 4 | Dược phẩm | 5.363.496  |
| 5 | Hàng thủy sản | 5.287.422  | 5 | Bông các loại | 347.297 |
| 6 | Cao su | 10.697.303  | 5 | Hàng hóa khác | 55.639.936 |
| 7 | Hạt điều | 5.020.434  |  |  |  |
| 8 | Sắn và các sản phẩm từ sắn | 408.075  |  |  |  |
| 9 | Sản phẩm hóa chất | 7.228.247  |  |  |  |
| 10 | Sản phẩm sắt thép | 361.341  |  |  |  |
| 11 | Điện thoại và linh kiện | 83.907.684  |   |  |  |
| 12 | Máy móc thiết bị | 6.349.584  |  |  |  |
| 13 | Phương tiện vận tải | 5.093.622  |  |  |  |
| 14 | Hàng hóa khác | 76.611.390 |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** | **328.330.122**  |  | **Tổng cộng:** | **108.785.847** |

**II/ Cảnh báo phòng vệ thương mại, biến động thị trường, các thay đổi về chính sách kinh tế, thương mai:**

 Đoàn đàm phán thuế đối ứng với Hoa Kỳ của Pakistan do Bộ trưởng thương mại Pakistan Jam Kamal Khan làm trưởng đoàn đã đàm phán thành công với Hoa Kỳ, giảm mức thuế đối ứng từ 29 % xuống 19 %, mức thấp nhất trong khu vực, tạo ưu thế cạnh tranh cho doanh nghiệp xuất khẩu Pakistan trên thị trường Hoa Kỳ. Đoàn gồm có nhiều quan chức chính phủ và hơn 30 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu và doanh nghiệp vừa và nhỏ đại diện cho các ngành hàng xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

 Chính phủ Pakistan đã thành lập Hội đồng tiền số Pakistan (Pakistan Crypto Council-PCC) để chuẩn bị chính thức công nhận tài sản số. Hội đồng do Bộ trưởng tài chính Muhammad Aurangzeb làm chủ tịch. Quốc hội Pakistan cũng bổ nhiệm Bộ trưởng quốc hội phụ trách sàn giao dịch tiền số Bilal Saqib kiêm giám đốc điều hành PCC. Tuy nhiên dư luận cho rằng Pakistan vẫn tụt hậu so với hơn 130 nước trong lĩnh vực này. Pakistan kỳ vọng đạt doanh số 2,5 tỷ USD tiền số trong năm 2025, 29 triệu nhà kinh doanh tiền số trong năm 2026, 25 tỷ USD trong năm 2030. Thị trường tiền số thế giới hiện nay đạt trên 2 nghìn tỷ USD.

 Pakistan và Afghanistan ký hiệp định ưu đãi thương mại (PTA) có hiệu lực 1 năm bắt đầu từ 01/08/2025. Chương trình thu hoạch sớm trong khuôn khổ hiệp định thỏa thuận mỗi bên sẽ giảm thuế cho bên kia 4 mặt hàng. Pakistan giảm thuế đối với cà chua, nho, lựu và táo. Afghanistan giảm thuế đối với khoai tây, chuối, xoài, ki-nu. Tuy nhiên hai bên vẫn giữ mức thuế cơ sở từ 22 – 27 %. Sau PTA hai bên dự kiễn sẽ ký hiệp định thương mại tự do (FTA).

 Theo báo cáo của Tổ chức tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP của Pakistan trong năm tài chính 2025-2026 chỉ đạt 3,6 % so với mục tiêu 4,2 % của chính phủ Pakistan. Tăng trưởng GDP năm 2024-2025 là 2,7 %.

 Lần đầu tiên trong lịch sử nhập khẩu bông và sợi của Pakistan vượt quá sản lượng bông sản xuất trong nước. Nguyên nhân là do Pakistan mất mùa bông và thuế doanh thu 18 % đánh lên bông trong nước làm cho bông nhập khẩu có giá thấp hơn. Hiện vẫn còn hơn 100 nghìn kiện bông trong nước chưa tiêu thụ được.

 Theo báo cáo của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Các loại thuế đánh lên khu vực viễn thông của Pakistan cao nhất khu vực, mức phủ sóng 4G thấp nhất khu vực, hoạt động triển khai mạng 5G chưa đủ. Kinh tế số của Pakistan mới chỉ đạt 1,5 % GDP. Hệ thống internet cố định mới chỉ đạt 1,3 %. Mặc dù 80 % dân số có truy cập internet nhưng mức sử dụng thực tế thấp. 86 % nam và 53 % nữ có điện thoại di động nhưng chỉ có 53 % nam và 33 % nữ có truy cập internet.

**III/ Dự báo tình hình thị trường tháng 8/2025:**

 Sản xuất công nghiệp tăng, sản xuất nông nghiệp tăng. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng. Đồng rupi tăng giá.

**IV/ Thông báo:**

 *1/ Tìm người bán:*

Nhu cầu: PU coated leather

Địa chỉ liên hệ:

GOLDSONI INTERNATIONAL (PVT) LTD

Mr. Tariq Soni-Business Development Director

Cell/Whatsapp: +92-333-8614142

Wechat: goldsoni

Email:goldsoni@hotmail.com;tariqsoni1@gmail.com

Website: [www.goldsoni.com](http://www.goldsoni.com)

 www.goldsoni.pk

*2/ Tìm người mua:*

Sản phẩm: Football

Địa chỉ liên hệ:

GOLDSONI INTERNATIONAL (PVT) LTD

Mr. Tariq Soni-Business Development Director

Cell/Whatsapp: +92-333-8614142

Wechat: goldsoni

Email:goldsoni@hotmail.com;tariqsoni1@gmail.com

Website: [www.goldsoni.com](http://www.goldsoni.com)

 www.goldsoni.pk

**VI/ Thông tin chuyên đề:**

***Thị trường Pakistan:***

Tỷ trọng hàng nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Pakistan (số liệu năm 2023)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Pakistan NK** | **NK VN** | **%** |
| **Chương 84:** Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng | 3,548,954,467 | 110,209,507 | 3.11 |
| **Chương 86:** Đầu máy xe lửa hoặc xe điện, toa xe lửa và các bộ phận của chúng; vật cố định và ghép nối đường ray xe lửa hoặc xe điện và bộ phận của chúng; thiết bị tín hiệu giao thông bằng cơ khí (kể cả cơ điện) các loại | 35,835,509 |  | 0.00 |
| **Chương 87:** Xe trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng | 1,232,094,948 | 2,307,904 | 0.19 |
| **Chương 88:** Phương tiện bay, tàu vũ trụ và các bộ phận của chúng | 28,475,185 |  | 0.00 |
| **Chương 89:** Tàu thuỷ, thuyền và các kết cấu nổi | 81,200,297 |  | 0.00 |
| **Chương 90:** Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng | 700,901,244 | 1,710,116 | 0.24 |
| **Chương 91:** Đồng hồ thời gian, đồng hồ cá nhân và các bộ phận của chúng | 13,091,045 | 1,570 | 0.01 |
| **Chương 92:** Nhạc cụ; các bộ phận và phụ kiện của chúng | 354,966 |  | 0.00 |
| **Chương 93:** Vũ khí và đạn; các bộ phận và phụ kiện của chúng | 13,333,516 |  | 0.00 |
| **Chương 94:** Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nhồi tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép | 88,337,816 | 67,435 | 0.08 |
| **Chương 95:** Đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng | 31,145,071 | 233,108 | 0.75 |
| **Chương 96**: Các mặt hàng khác | 86,625,971 | 1,334,238 | 1.54 |
| **Chương 97:** Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ | 140,381 |  | 0.00 |
| **Chương 98:** Quy Định Mã Hàng Và Mức Thuế Suất Thuế Nhập Khẩu Ưu Đãi Riêng Đối Với Một Số Nhóm Mặt Hàng, Mặt Hàng |  |  |  |
| **Chương 99:** Hàng hóa khác | 8,461,287 | 229,872 | 2.72 |